Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8414.20.90

Mã HS	8414.20.90
Mô tả hàng hóa	Bơm không khí hoặc bơm chân không, máy nén không khí hoặc chất khí khác và quạt; nắp chụp hút tuần hoàn gió hoặc thông gió có kèm theo quạt, có hoặc không lắp bộ phận lọc; tủ an toàn sinh học kín khí, có hoặc không lắp bộ phận lọc / - Bơm không khí điều khiển bằng tay hoặc chân: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 05:10:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84142090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13168
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13168
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13168
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5 (-KH)	5% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục A)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E12452
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12395
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12395
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12395
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12395
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12395
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12395
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E12449
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12449
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12449
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12449

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12449
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12449
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12450
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12450
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12450
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12450
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12450
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12450
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F12451
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12401
AIFTA	30/12/2022	2022	16	AI!F12407
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	15.5	AI!G12407
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	15	AI!H12407
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I12407
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J12407
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K12407
VKFTA	2022	2022	5	VK!E12440
VKFTA	2023	2023	5	VK!F12440
VKFTA	2024	2024	5	VK!G12440
VKFTA	2025	2025	5	VK!H12440
VKFTA	2026	2026	5	VK!I12440
VKFTA	2027	2027	5	VK!J12440
VCFTA	2022	2022	4	VC!D12487
VCFTA	2023	2023	2	VC!E12487
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12487
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12487

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12487
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12487
VN-EAEU	2022	2022	5,5	EAV!D12472
VN-EAEU	2023	2023	3,6	EAV!E12472
VN-EAEU	2024	2024	1,8	EAV!F12472
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12472
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12472
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12472
AHKFTA	2022	2022	20	AKH!D12472
AHKFTA	2023	2023	20	AKH!E12472
AHKFTA	2024	2024	20	AKH!F12472
AHKFTA	2025	2025	20	AKH!G12472
AHKFTA	2026	2026	20	AKH!H12472
AHKFTA	2027	2027	20	AKH!I12472
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D12487
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E12487
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F12487
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12487
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12487
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12487
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D12486
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E12486
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F12486
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12486
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12486
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12486

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12466
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12466
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12466
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12466
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12466
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12466
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12466
RCEP A	2022	2022	20	RCEPT-A!D12474
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E12474
RCEP A	2024	2024	20	RCEPT-A!F12474
RCEP A	2025	2025	20	RCEPT-A!G12474
RCEP A	2026	2026	20	RCEPT-A!H12474
RCEP A	2027	2027	20	RCEPT-A!I12474
RCEP B	2022	2022	20	B!D12474
RCEP B	2023	2023	20	B!E12474
RCEP B	2024	2024	20	B!F12474
RCEP B	2025	2025	20	B!G12474
RCEP B	2026	2026	20	B!H12474
RCEP B	2027	2027	20	B!I12474
RCEP C	2022	2022	20	C!D12474
RCEP C	2023	2023	20	C!E12474
RCEP C	2024	2024	20	C!F12474
RCEP C	2025	2025	20	C!G12474
RCEP C	2026	2026	20	C!H12474
RCEP C	2027	2027	20	C!I12474
RCEP D	2022	2022	20	D!D12473

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	20	D!E12473
RCEP D	2024	2024	20	D!F12473
RCEP D	2025	2025	20	D!G12473
RCEP D	2026	2026	20	D!H12473
RCEP D	2027	2027	20	D!I12473
RCEP E	2022	2022	20	E!D12477
RCEP E	2023	2023	20	E!E12477
RCEP E	2024	2024	20	E!F12477
RCEP E	2025	2025	20	E!G12477
RCEP E	2026	2026	20	E!H12477
RCEP E	2027	2027	20	E!I12477
RCEP F	2022	2022	20	F!D12474
RCEP F	2023	2023	20	F!E12474
RCEP F	2024	2024	20	F!F12474
RCEP F	2025	2025	20	F!G12474
RCEP F	2026	2026	20	F!H12474
RCEP F	2027	2027	20	F!I12474
VIFTA	2024	2024	18	VI!F11544
VIFTA	2025	2025	16	VI!G11544
VIFTA	2026	2026	14	VI!H11544
VIFTA	2027	2027	12	VI!I11544

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 20%, RCEP (Phụ lục A) 20%, RCEP (Phụ lục B) 20%, RCEP (Phụ lục C) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%, RCEP (Phụ lục F) 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8414.20 có 2 dòng thuế; dòng 8414.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8414.20.10 Bơm xe đạp	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8414.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8414.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13168), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.